

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY TẠ**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**

MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 26

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy Tạ trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Thủy Tạ (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp Nhà nước được chuyển đổi thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 825/QĐ-UB ngày 14 tháng 02 năm 2006 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103011230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30 tháng 3 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 15 tháng 10 năm 2013, mã số doanh nghiệp: 0100107268. Vốn điều lệ 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng).

Tên giao dịch bằng tiếng nước ngoài: THUY TA JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: THUY TA., JSC

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 6 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Bà Trần Thị Diễm Hương	Chủ tịch
	Ông Hoàng Minh Thọ	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 30/5/2013)
	Ông Huỳnh Quang Tuấn	Ủy viên
	Ông Phạm Văn Hải	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 04/01/2013)
	Bà Lại Thị Mai Phương	Ủy viên
	Ông Trần Ngọc Thanh	Ủy viên (từ nhiệm ngày 04/01/2013)
	Ông Vũ Quốc Hưng	Ủy viên (từ nhiệm ngày 30/5/2013)

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Hoàng Minh Thọ	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 28/02/2013)
	Ông Vũ Quốc Hưng	Giám đốc (từ nhiệm ngày 28/02/2013)
	Bà Lê Thanh Hiền	Phó Giám đốc
	Ông Nguyễn Tuấn Anh	Phó Giám đốc

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc



**Hoàng Minh Thọ**  
**Giám đốc**

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2014



Số.374/2014/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty Cổ phần Thủy Tạ

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Thủy Tạ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy Tạ, được lập ngày 28 tháng 3 năm 2014, từ trang 06 đến trang 26, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng Lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



---

**Đinh Văn Thắng****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1147-2013-075-1

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM (CPA VIETNAM)****Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.***Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2014*

---

**Trần Huy Chiêu****Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1994-2013-075-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>29.869.166.781</b>	<b>28.190.090.359</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>6.1</b>	<b>1.697.519.771</b>	<b>1.146.066.311</b>
1. Tiền	111		1.697.519.771	1.146.066.311
<b>II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>2.000.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6.2	-	2.000.000.000
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>4.971.305.634</b>	<b>9.124.673.192</b>
1. Phải thu khách hàng	131		2.268.597.432	2.708.312.178
2. Trả trước cho người bán	132		469.560.316	4.830.967.137
5. Các khoản phải thu khác	135	6.3	2.258.147.886	1.610.393.877
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(25.000.000)	(25.000.000)
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>6.4</b>	<b>22.201.800.482</b>	<b>15.133.000.761</b>
1. Hàng tồn kho	141		22.201.800.482	15.133.000.761
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>998.540.894</b>	<b>786.350.095</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	6.5	964.914.894	632.650.095
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	6.6	33.626.000	153.700.000
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>25.178.395.686</b>	<b>20.630.675.366</b>
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>20.119.383.489</b>	<b>16.011.446.385</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6.7	20.119.383.489	16.011.446.385
- Nguyên giá	222		60.019.092.232	56.215.668.658
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(39.899.708.743)	(40.204.222.273)
3. Tài sản cố định vô hình	227	6.8	-	-
- Nguyên giá	228		922.179.957	922.179.957
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(922.179.957)	(922.179.957)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6.9</b>	<b>500.000.000</b>	<b>500.000.000</b>
3. Đầu tư dài hạn khác	258		500.000.000	500.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.559.012.197</b>	<b>4.119.228.981</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	6.10	4.559.012.197	4.119.228.981
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>55.047.562.467</b>	<b>48.820.765.725</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY TẠ**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B09 - DN

**6.15 Vốn chủ sở hữu**

**a. Biến động vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2012	20.000.000.000	5.935.508.477	1.400.929.479	-	10.522.256.546	37.858.694.502
Tăng trong năm	10.000.000.000	-	442.861.699	500.000.000	9.029.099.992	19.971.961.691
Góp vốn	10.000.000.000	-	-	-	9.001.569.992	9.001.569.992
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	442.861.699	500.000.000	-	942.861.699
Tăng khác	-	-	-	-	27.530.000	27.530.000
<b>Giảm trong năm</b>	-	<b>3.545.789.507</b>	-	<b>500.000.000</b>	<b>11.178.772.000</b>	<b>15.224.561.507</b>
Góp vốn từ lợi nhuận để lại	-	3.545.789.507	-	-	-	3.545.789.507
Chi trả cổ tức năm 2011	-	-	-	-	3.030.030.000	3.030.030.000
Thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	79.822.655	79.822.655
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	442.861.699	442.861.699
Chi phụ cấp HĐQT & BKS	-	-	-	500.000.000	500.000.000	1.000.000.000
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	442.861.699	442.861.699
Chi góp vốn từ lợi nhuận để lại	-	-	-	-	6.454.210.493	6.454.210.493
Chi nộp phạt về thuế	-	-	-	-	228.985.454	228.985.454
<b>Số dư tại 31/12/2012</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>2.389.718.970</b>	<b>1.843.791.178</b>	<b>-</b>	<b>8.372.584.538</b>	<b>42.606.094.686</b>
Số dư tại 01/01/2013	30.000.000.000	2.389.718.970	1.843.791.178	-	8.372.584.538	42.606.094.686
Tăng trong năm	-	180.031.390	180.031.390	500.000.000	9.005.766.249	9.865.829.029
Phân phối lợi nhuận	-	180.031.390	180.031.390	500.000.000	-	860.062.780
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	9.005.766.249	9.005.766.249
<b>Giảm trong năm</b>	-	-	-	<b>500.000.000</b>	<b>6.137.036.954</b>	<b>6.637.036.954</b>
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	4.729.380.000	4.729.380.000
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	860.062.780	860.062.780
Chi phụ cấp HĐQT & BKS	-	-	-	500.000.000	-	500.000.000
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi 2012	-	-	-	-	140.094.172	140.094.172
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi 2013	-	-	-	-	400.000.000	400.000.000
Chi khác	-	-	-	-	7.500.002	7.500.002
<b>Số dư tại 31/12/2013</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>2.569.750.360</b>	<b>2.023.822.568</b>	<b>-</b>	<b>11.241.313.833</b>	<b>45.834.886.761</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY TẠ**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B09 - DN

**6.15 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội	15.373.500.000	15.373.500.000
Các cổ đông khác	14.626.500.000	14.626.500.000
<b>Tổng</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>30.000.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại ngày đầu năm	30.000.000.000	20.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	10.000.000.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày cuối năm	30.000.000.000	30.000.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>4.729.380.000</b>	<b>3.030.030.000</b>

**d. Cổ phiếu**

	<b>31/12/2013</b>	<b>41275</b>
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.000.000	3.000.000
Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>3.000.000</b>	<b>3.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**6.16 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu bán kem	49.319.415.477	46.998.182.368
Doanh thu nhà hàng	34.049.014.462	32.588.059.366
Doanh thu bán đá và nước đá	7.241.114.226	3.909.669.316
Doanh thu các dịch vụ khác	16.718.926.619	15.641.254.284
<b>Tổng</b>	<b>107.328.470.784</b>	<b>99.137.165.334</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY TẠ**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B09 - DN

**6.17 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá vốn bán kem	27.566.500.208	26.269.074.592
Giá vốn nhà hàng	13.076.475.030	12.515.397.327
Giá vốn bán đá và nước đá	6.147.519.038	3.319.208.316
Giá vốn khác	11.114.636.670	9.646.081.442
<b>Tổng</b>	<b>57.905.130.946</b>	<b>51.749.761.677</b>

**6.18 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	132.108.493	866.930.160
<b>Tổng</b>	<b>132.108.493</b>	<b>866.930.160</b>

**6.19 Thu nhập khác/Chi phí khác**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<b>Thu nhập khác</b>	<b>692.235.384</b>	<b>745.468.339</b>
Thu thanh lý tài sản	228.636.362	239.112.272
Lãi liên doanh liên kết	392.727.272	196.363.636
Hoàn nhập dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	300.355.431
Thu nhập khác	70.871.750	9.637.000
<b>Chi phí khác</b>	<b>6.442.698</b>	<b>13.506.970</b>
Giá trị còn lại tài sản thanh lý	6.442.698	13.506.970
<b>Lợi nhuận từ hoạt động khác</b>	<b>685.792.686</b>	<b>731.961.369</b>

**6.20 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	12.007.688.333	12.002.093.323
Lợi nhuận tính thuế	12.007.688.333	12.002.093.323
Thuế suất áp dụng hiện hành	25,0%	25,0%
<b>Thuế thu nhập hiện hành</b>	<b>3.001.922.084</b>	<b>3.000.523.330</b>
Thuế thu nhập hiện hành được miễn giảm	-	-
<b>Chi phí thuế TNDN năm hiện hành</b>	<b>3.001.922.084</b>	<b>3.000.523.330</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY TẠ**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B09 - DN

6.21	Lãi trên cổ phiếu	Nam 2013	Nam 2012
	<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)</b>	<b>9.005.766.249</b>	<b>9.001.569.992</b>
	<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
	<i>Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận</i>	7.500.002	228.985.454
	<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)</b>	<b>8.998.266.247</b>	<b>8.772.584.538</b>
	Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	3.000.000	2.375.342
	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>2.999</b>	<b>3.693</b>
6.22	<b>Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>	<b>Năm 2013 VND</b>	<b>Năm 2012 VND</b>
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu	40.981.059.555	38.815.903.666
	Chi phí nhân công	25.200.351.000	25.085.131.368
	Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.018.505.874	2.536.582.116
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.787.203.506	20.416.134.837
	Chi phí khác bằng tiền	2.143.586.815	1.880.211.553
	<b>Tổng</b>	<b>96.130.706.750</b>	<b>88.733.963.540</b>

**7. THÔNG TIN KHÁC****7.1 Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY TẠ**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B09 - DN

**7.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan****a. Giao dịch với các nhân sự chủ chốt và cổ đông**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	500.000.000	500.000.000
Ban Giám đốc	Lương cho thành viên Ban Giám đốc	1.023.268.881	864.927.200

**b. Số dư với các bên liên quan**

Bên liên quan	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
<b><u>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</u></b>		
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội	-	2.000.000.000
<b><u>Công nợ phải trả</u></b>		
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội	-	148.871.443

**7.3 Công cụ tài chính****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

**Các loại công cụ tài chính**

Tài sản tài chính	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.697.519.771	1.146.066.311
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.501.745.318	4.293.706.055
Đầu tư ngắn hạn	-	2.000.000.000
Đầu tư dài hạn	500.000.000	500.000.000
<b>Tổng</b>	<b>6.699.265.089</b>	<b>7.939.772.366</b>
Công nợ tài chính	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Các khoản vay	20.250.000	133.750.000
Phải trả khách hàng và phải trả khác	5.047.084.665	1.714.722.222
Chi phí phải trả	-	-
<b>Tổng</b>	<b>5.067.334.665</b>	<b>1.848.472.222</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.



**7.3 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ không chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Việc phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ của Công ty là không đáng kể, do đó, Công ty không có rủi ro về tỷ giá.

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty không phát sinh các khoản vay chịu lãi suất, do đó, không có rủi ro lãi suất

*Rủi ro về giá*

Công ty mua hàng hóa, dịch vụ từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục cho hoạt động kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán từ nhà cung cấp. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

*Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty có khoản rủi ro không đáng kể với các khách hàng hoặc đối tác và đã được trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY TẠ**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B09 - DN

**7.3 Công cụ tài chính (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

31/12/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Các khoản vay	20.250.000	-	20.250.000
Phải trả khách hàng và phải trả khác	5.047.084.665	96.000.000	5.143.084.665
Chi phí phải trả	-	-	-
01/01/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Các khoản vay	133.750.000	-	133.750.000
Phải trả khách hàng và phải trả khác	1.714.722.222	150.000.000	1.864.722.222
Chi phí phải trả	-	-	-

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.697.519.771	-	1.697.519.771
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.501.745.318	-	4.501.745.318
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	500.000.000	500.000.000
01/01/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.146.066.311	-	1.146.066.311
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.293.706.055	-	4.293.706.055
Đầu tư ngắn hạn	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Đầu tư dài hạn	-	500.000.000	500.000.000

**7.4 Số liệu so sánh**

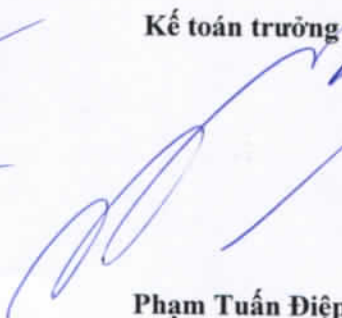
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán.

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2014

Giám đốc



Nguyễn Thị Thanh Tâm

Phạm Tuấn Điệp

Hoàng Minh Thọ